

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày: 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2,747,958,348,988</b>	<b>2,950,604,371,240</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>31,915,938,526</b>	<b>39,671,072,278</b>
1. Tiền	111		27,465,938,526	33,121,072,278
2. Các khoản tương đương tiền	112		4,450,000,000	6,550,000,000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>67,465,229,436</b>	<b>71,923,630,137</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	67,465,229,436	71,923,630,137
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>423,693,379,822</b>	<b>369,116,043,577</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	403,631,920,146	358,877,524,257
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	28,293,596,620	20,532,918,897
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	1,000,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	26,126,400,790	28,323,670,962
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.7	(37,056,417,260)	(42,314,950,065)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.8	2,697,879,526	2,697,879,526
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>2,126,920,394,296</b>	<b>2,346,798,785,910</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	2,147,660,838,553	2,363,664,839,934
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.9	(20,740,444,257)	(16,866,054,024)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>97,963,406,908</b>	<b>123,094,839,338</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	18,413,103,367	20,786,484,002
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		79,550,303,541	102,308,355,336
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2,164,145,112,807</b>	<b>2,162,065,751,899</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>44,007,775,339</b>	<b>32,632,443,257</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	341,656,062	461,795,593
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	43,666,119,277	32,170,647,664
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1,019,220,926,915</b>	<b>1,031,788,418,453</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	289,346,258,490	324,927,270,134
- Nguyên giá	222		1,414,119,869,842	1,476,855,424,151
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,124,773,611,352)	(1,151,928,154,017)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.12	386,926,054,175	360,415,020,182
- Nguyên giá	225		475,495,890,638	427,728,087,319
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(88,569,836,463)	(67,313,067,137)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	342,948,614,250	346,446,128,137
- Nguyên giá	228		375,644,478,087	375,481,151,250
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(32,695,863,837)	(29,035,023,113)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>932,537,493,123</b>	<b>918,169,485,953</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14	932,537,493,123	918,169,485,953

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>69,661,492,504</b>	<b>71,816,442,593</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	62,887,506,172	64,978,217,413
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20,304,000,000	20,304,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2c	(13,530,013,668)	(13,465,774,820)
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>98,717,424,926</b>	<b>107,658,961,643</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	87,366,984,222	95,920,727,945
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.15	11,350,440,704	11,738,233,698
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>4,912,103,461,795</b>	<b>5,112,670,123,139</b>
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2,029,830,765,363</b>	<b>2,264,803,367,530</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1,895,838,353,855</b>	<b>2,103,113,559,761</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	182,098,708,101	173,346,839,689
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17	29,583,698,037	9,980,557,401
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	21,148,835,927	27,923,959,069
4. Phải trả người lao động	314	V.19	43,590,332,572	35,021,252,723
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.20	11,877,641,687	8,219,155,562
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		605,837,011	1,404,669,966
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21	19,543,839,208	63,115,761,649
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.22a	1,587,113,982,007	1,783,706,884,397
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V.23	275,479,305	394,479,305
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>133,992,411,508</b>	<b>161,689,807,769</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		12,863,238,548	13,566,168,490
2. Phải trả dài hạn khác	337		-	2,341,000,000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.22b	119,737,317,897	144,866,433,063
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.24	1,391,855,063	916,206,216
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>2,882,272,696,432</b>	<b>2,847,866,755,609</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.25</b>	<b>2,882,272,696,432</b>	<b>2,847,866,755,609</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,335,396,250,000	1,335,396,250,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,335,396,250,000	1,335,396,250,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		21,489,209,100	21,489,209,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415		(27,587,629,848)	(27,587,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,552,974,867,180	1,518,568,926,357
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,518,568,926,357	1,518,568,926,357
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		34,405,940,823	-
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>4,912,103,461,795</b>	<b>5,112,670,123,139</b>

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Hà Thu Diễm

Tổng Giám Đốc

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Cảnh

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Quý II Năm 2024**

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1,209,204,299,276	1,090,877,619,337	2,225,430,785,658	2,248,480,976,578
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	15,791,434,691	16,583,485,410	16,009,216,949	18,988,455,912
<b>3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1,193,412,864,585</b>	<b>1,074,294,133,927</b>	<b>2,209,421,568,709</b>	<b>2,229,492,520,666</b>
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.3	1,050,185,704,754	1,026,112,650,257	1,964,939,253,848	1,978,012,544,440
<b>5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>143,227,159,831</b>	<b>48,181,483,670</b>	<b>244,482,314,861</b>	<b>251,479,976,226</b>
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	10,747,529,101	7,725,908,093	15,985,829,247	16,790,453,997
7 Chi phí tài chính	22	VI.5	27,239,372,700	46,362,153,774	51,846,106,879	82,634,556,110
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26,566,099,893	42,982,913,781	48,968,008,337	75,508,236,203
8 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(2,090,711,241)	(1,989,053,272)	(2,090,711,241)	(1,989,053,272)
9 Chi phí bán hàng	25	VI.6	68,747,384,460	42,521,766,564	103,243,098,570	97,244,253,424
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	21,177,067,200	23,288,357,230	39,354,155,839	41,700,854,947
<b>11 Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]</b>	<b>30</b>		<b>34,720,153,331</b>	<b>(58,253,939,077)</b>	<b>63,934,071,579</b>	<b>44,701,712,470</b>
12 Thu nhập khác	31	VI.8	4,563,765,179	7,559,500,007	7,782,680,462	13,451,531,704
13 Chi phí khác	32	VI.9	18,574,526,579	1,075,036,891	20,556,767,764	1,929,477,789
<b>14 Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(14,010,761,400)</b>	<b>6,484,463,116</b>	<b>(12,774,087,302)</b>	<b>11,522,053,915</b>
<b>15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>20,709,391,931</b>	<b>(51,769,475,961)</b>	<b>51,159,984,277</b>	<b>56,223,766,385</b>
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.18	5,695,408,575	(61,306,104)	15,890,601,613	10,585,800,205
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.15	(2,489,058,159)	(663,908,145)	863,441,841	4,311,562,382
<b>18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>17,503,041,515</b>	<b>(51,044,261,712)</b>	<b>34,405,940,823</b>	<b>41,326,403,798</b>
19 Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		17,503,041,515	(51,044,261,712)	34,405,940,823	41,326,403,798
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-	-	-
<b>21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>	VI.10	<b>131</b>	<b>(383)</b>	<b>258</b>	<b>312</b>
<b>22 Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)</b>	<b>71</b>		<b>131</b>	<b>(383)</b>	<b>258</b>	<b>312</b>

Người lập biểu/Kế toán trưởng

Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2024



Trần Minh Cảnh




**LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Quý II Năm 2024

Đơn vị tính: Đồng

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm nay đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,208,239,628,517	2,418,543,272,440
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,389,768,841,348)	(2,102,112,788,125)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(247,602,041,293)	(283,018,570,582)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(50,031,696,278)	(74,530,327,867)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(24,003,464,726)	(113,447,751,593)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		89,385,883,206	22,951,018,679
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(96,384,031,503)	(80,104,353,815)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>489,835,436,575</b>	<b>(211,719,500,863)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(79,522,305,794)	(20,293,570,705)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		21,294,375,709	45,268,518,322
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(37,220,000,000)	(173,760,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		36,920,000,000	336,420,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,872,716,342	14,066,423,687
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(56,655,213,743)</b>	<b>201,701,371,304</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	60,000,000,000
2. Tiền thu từ đi vay	33		1,801,180,969,704	2,391,123,798,206
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2,153,759,129,592)	(2,273,850,797,009)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(51,969,713,291)	(38,380,495,186)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38,333,517,000)	(121,006,757,225)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(442,881,390,179)</b>	<b>17,885,748,786</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(9,701,167,347)</b>	<b>7,867,619,227</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>39,671,072,278</b>	<b>31,053,714,794</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1,946,033,595	(966,934,254)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>31,915,938,526</b>	<b>37,954,399,767</b>

Người lập biểu/Kế toán trưởng

  
Nguyễn Hà Thu Diễm

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2024

  
Tổng Giám đốc  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
Trần Minh Cảnh

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến và thương mại.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản; Sản xuất điện năng lượng mặt trời; Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

#### 5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương	Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản Nam Việt Bình Phú	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Nuôi trồng thủy sản nội địa	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Nam Việt Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Đại Tây Dương Solar	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất điện năng lượng mặt trời	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Phân bón Hữu cơ Nam Việt	19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH MTV Chế biến Thức ăn Thủy sản Nam Việt	Lô A4, Khu Công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt. TP. Cần Thơ	Sản xuất thức ăn thủy sản	100%	100%	100%	100%

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 5b. Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn chỉ đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là Công ty TNHH Amicogen Nam Việt có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, Phường Thới Thuận, Quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là chiết xuất và sản xuất collagen, genlatin thủy phân dùng cho dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Tập đoàn tại cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát này là 50%.

## 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016, cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

### 4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 5. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn chỉ có các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### *Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh*

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Tập đoàn so với tổng số vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## 8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất, chi phí sửa chữa và khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Tiền thuê đất*

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

### *Chi phí sửa chữa*

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thể hiện các khoản chi phí liên quan đến việc sửa chữa nhà xưởng, máy móc thiết bị. Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

### *Khoản lỗ của tài sản cố định bán và thuê lại là thuê tài chính*

Khoản chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá trị còn lại của tài sản cố định trong trường hợp bán và thuê lại là thuê tài chính được phân bổ vào chi phí theo thời gian thuê lại tài sản.

## 9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 30
Máy móc và thiết bị	03 - 16
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 18

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

---

## 11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của máy móc và thiết bị thuê tài chính là 04 - 16 năm.

## 12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ, ...

Quyền sử dụng đất của Tập đoàn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

### *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 06 năm.

## 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 14. Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm: giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày nắm giữ quyền kiểm soát.

Đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, giá phí hợp nhất kinh doanh được tính là tổng của giá phí khoản đầu tư tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí khoản đầu tư của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con. Chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể với công ty con và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Nếu trước ngày đạt được quyền kiểm soát, Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể và khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu thì phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và phần chênh lệch giữa giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu và giá gốc khoản đầu tư được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Phần chênh lệch cao hơn của giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và nợ tiềm tàng được ghi nhận tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con vượt quá giá phí hợp nhất kinh doanh thì phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### 15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 16. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Hội đồng quản trị thông báo chia cổ tức.

### 18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **Doanh thu bán điện**

Doanh thu bán điện được ghi nhận khi có biên bản xác nhận chỉ số điện giữa Công ty và Điện lực.

### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

### **Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn đã được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

## **19. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tập đoàn đã tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

## **20. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ này.



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- Nếu khoản hàng bán giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ sau.

## 21. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 22. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

## 23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	559.751.945	325.497.293
Tiền gửi ngân hàng	26.906.186.581	32.795.574.985
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng)	4.450.000.000	6.550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.915.938.526</b>	<b>39.671.072.278</b>

Khoản tương đương tiền có giá trị 4.450.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam (xem thuyết minh V.22).

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng.

Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 65.265.229.436 VNĐ đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank, Ngân hàng Malayan Banking Berhad, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam, Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank (xem thuyết minh V.22), thực hiện hợp đồng với Điện Lực Châu Phú và Công ty TNHH Cơ điện lạnh Lê Quốc.

#### 2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc	69.240.000.000	69.240.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(6.352.493.828)	(4.261.782.587)
<b>Cộng</b>	<b>62.887.506.172</b>	<b>64.978.217.413</b>

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	64.978.217.413	69.001.451.300
Phần lãi/lỗ trong kỳ	(2.090.711.241)	(1.989.053.272)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>62.887.506.172</b>	<b>67.012.398.028</b>

*Tình hình hoạt động của công ty liên doanh*

Công ty TNHH Amicogen Nam Việt đã có doanh thu.

*Giao dịch với công ty liên doanh*

Trong kỳ, Tập đoàn phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Amicogen Nam Việt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cho thuê	171.870.372	168.387.097
Doanh thu thi công công trình	-	5.813.840.604
Doanh thu bán thành phẩm	8.307.651.000	3.266.580.500
Doanh thu khác	-	3.049.080
Mua nguyên liệu	923.732.947	-
Chi phí lò hơi	333.140.280	-

#### 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty CP Cromit				
Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(13.530.013.668)	20.304.000.000	(13.465.774.820)
<b>Cộng</b>	<b>20.304.000.000</b>	<b>(13.530.013.668)</b>	<b>20.304.000.000</b>	<b>(13.465.774.820)</b>

*Giá trị hợp lý*

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	13.465.774.820	13.152.128.363
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng	64.238.848	524.055.082
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>13.530.013.668</b>	<b>13.676.183.445</b>

### 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>4.912.616.037</i>	<i>7.432.565.138</i>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	736.759.516	546.712.950
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	4.175.856.521	6.885.852.188
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>398.719.304.109</i>	<i>351.444.959.119</i>
Các khách hàng nước ngoài	337.371.704.294	303.041.043.225
Các khách hàng trong nước	61.347.599.815	48.403.915.894
<b>Cộng</b>	<b>403.631.920.146</b>	<b>358.877.524.257</b>

Khoản phải thu có giá trị 180.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam).

### 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các nhà cung cấp nước ngoài	489.229.550	479.841.150
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	11.071.328.105	1.098.425.939
Các nhà cung cấp trong nước khác	16.733.038.965	18.954.651.808
<b>Cộng</b>	<b>28.293.596.620</b>	<b>20.532.918.897</b>

### 5. Phải thu về cho vay dài hạn

Khoản vay của ông Nguyễn Văn Thóc.

### 6. Phải thu khác

#### 6a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>26.126.400.790</i>	<i>(2.570.273.313)</i>	<i>28.323.670.962</i>	<i>(948.917.674)</i>
Tạm ứng	464.992.961	-	2.911.735.867	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	522.280.301	-	1.212.475.710	-
Tiền lãi cho vay	4.043.710	-	129.001.251	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.590.875.137	-	5.224.360.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	21.544.208.681	(2.570.273.313)	18.846.098.134	(948.917.674)
<b>Cộng</b>	<b>26.126.400.790</b>	<b>(2.570.273.313)</b>	<b>28.323.670.962</b>	<b>(948.917.674)</b>

#### 6b. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	43.558.885.277	32.170.647.664
Phải thu tiền bồi thường do vận chuyển thất thoát cá	107.234.000	-
<b>Cộng</b>	<b>43.666.119.277</b>	<b>32.170.647.664</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

## 7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Phải thu tiền bán hàng</b>		<b>49.274.728.747</b>	<b>14.788.584.800</b>		<b>56.622.966.111</b>	<b>15.283.332.720</b>
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		3.917.309.000	2.742.116.300	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	1.485.540.000	1.039.878.000
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>		40.154.895.000	12.046.468.500	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	47.478.182.400	14.243.454.720
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>		5.202.524.747	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	7.659.243.711	-
<b>Phải thu khác</b>		<b>4.193.513.076</b>	<b>1.623.239.763</b>		<b>977.133.550</b>	<b>816.876</b>
<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>		20.000.000	14.000.000	<i>Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm</i>	-	-
<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>		3.217.879.526	1.608.939.763	<i>Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm</i>	-	-
<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>		1.000.000	300.000	<i>Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm</i>	2.722.920	816.876
<i>Quá hạn trên 03 năm</i>		954.633.550	-	<i>Quá hạn trên 03 năm</i>	974.410.630	-
<b>Cộng</b>		<b>53.468.241.823</b>	<b>16.411.824.563</b>		<b>57.600.099.661</b>	<b>15.284.149.596</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	42.315.950.065	35.961.101.308
Trích lập dự phòng bổ sung	147.813.839	5.597.291.009
Xóa nợ	(5.407.346.644)	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>37.056.417.260</b>	<b>41.558.392.317</b>

## 8. Tài sản thiếu chờ xử lý

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của vùng nuôi Nam Việt do ảnh hưởng của sạt lở đất đang chờ xử lý.

## 9. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	4.999.517.500	-	3.866.463.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	504.083.632.527	-	427.761.279.779	-
Công cụ, dụng cụ	10.295.156.021	-	4.666.634.864	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	751.714.820.976	-	948.001.566.814	-
Thành phẩm	819.880.334.670	(20.740.444.257)	970.947.563.384	(16.866.054.024)
Hàng gửi đi bán	56.687.376.859	-	8.421.332.093	-
<b>Cộng</b>	<b>2.147.660.838.553</b>	<b>(20.740.444.257)</b>	<b>2.363.664.839.934</b>	<b>(16.866.054.024)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hàng tồn kho có trị giá 434.366.854.445 VND (số đầu năm là 362.592.707.016 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Quân đội (Xem thuyết minh V.22).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	16.866.054.024	8.775.128.007
Trích lập/hoàn nhập dự phòng bổ sung	3.874.390.233	2.693.155.397
Giảm do hủy hàng hóa	-	(195.597.873)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>20.740.444.257</b>	<b>11.272.685.531</b>

### 10. Chi phí trả trước

#### 10a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	267.183.334	1.068.733.335
Công cụ, dụng cụ	3.020.991.660	3.333.019.707
Chi phí sửa chữa	6.890.823.162	8.706.003.914
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.234.105.211	7.678.727.046
<b>Cộng</b>	<b>18.413.103.367</b>	<b>20.786.484.002</b>

#### 10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	51.588.392.181	52.347.406.262
Công cụ, dụng cụ	853.417.353	1.499.033.681
Chi phí sửa chữa	11.868.431.833	14.796.477.387
Khoản lỗ của tài sản bán và thuê lại	16.898.937.904	17.582.276.994
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.157.804.951	9.695.533.621
<b>Cộng</b>	<b>87.366.984.222</b>	<b>95.920.727.945</b>

### 11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	369.467.416.058	833.568.322.878	144.312.728.891	16.987.644.841	112.519.311.483	1.476.855.424.151
Mua trong kỳ	-	2.540.369.188	-	4.358.794.420	-	6.899.163.608
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.481.861.600	1.765.359.369	-	-	-	7.247.220.969
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	4.353.934.525	-	-	-	4.353.934.525
Thanh lý, nhượng bán	-	(71.338.557.341)	(10.433.754.330)	(80.818.182)	-	(81.853.129.853)
Tăng do mở rộng ao nuôi	-	-	-	-	617.256.442	617.256.442
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>374.949.277.658</b>	<b>770.889.428.619</b>	<b>133.878.974.561</b>	<b>21.265.621.079</b>	<b>113.136.567.925</b>	<b>1.414.119.869.842</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tài sản cố định hữu hình khác</b>	<b>Cộng</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	230.647.247.995	468.554.247.941	39.989.559.679	7.569.000.417	27.683.503.157	774.443.559.189
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	312.110.106.031	677.044.136.914	94.854.451.616	13.057.406.809	54.862.052.647	1.151.928.154.017
Khấu hao trong kỳ	5.645.352.843	14.016.052.838	6.305.418.236	795.446.768	3.403.396.261	30.165.666.946
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	881.809.520	-	-	-	881.809.520
Thanh lý, nhượng bán	-	(51.975.211.164)	(6.145.989.785)	(80.818.182)	-	(58.202.019.131)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>317.755.458.874</b>	<b>639.966.788.108</b>	<b>95.013.880.067</b>	<b>13.772.035.395</b>	<b>58.265.448.908</b>	<b>1.124.773.611.352</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	57.357.310.027	156.524.185.964	49.458.277.275	3.930.238.032	57.657.258.836	324.927.270.134
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>57.193.818.784</b>	<b>130.922.640.511</b>	<b>38.865.094.494</b>	<b>7.493.585.684</b>	<b>54.871.119.017</b>	<b>289.346.258.490</b>

*Trong đó:*

Tạm thời chưa sử

dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 73.074.592.935 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank.

**12. Tài sản cố định thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	427.728.087.319	-	427.728.087.319
Thuê tài chính trong kỳ	29.491.800.725	22.629.937.119	52.121.737.844
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(4.353.934.525)	-	(4.353.934.525)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>452.865.953.519</b>	<b>22.629.937.119</b>	<b>475.495.890.638</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	67.313.067.137	-	67.313.067.137
Khấu hao trong kỳ	21.228.280.134	910.298.712	22.138.578.846
Mua tại tài sản cố định thuê tài chính	(881.809.520)	-	(881.809.520)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>87.659.537.751</b>	<b>910.298.712</b>	<b>88.569.836.463</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	360.415.020.182	-	360.415.020.182
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>365.206.415.768</b>	<b>21.719.638.407</b>	<b>386.926.054.175</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	375.200.160.250	280.991.000	375.481.151.250
Mua trong năm	173.937.057	-	173.937.057
Giảm do nhà nước thu hồi	(10.610.220)	-	(10.610.220)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>375.363.487.087</b>	<b>280.991.000</b>	<b>375.644.478.087</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.204.952.117	280.991.000	2.485.943.117
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	28.754.032.113	280.991.000	29.035.023.113
Khấu hao trong kỳ	3.660.840.724	-	3.660.840.724
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>32.414.872.837</b>	<b>280.991.000</b>	<b>32.695.863.837</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	346.446.128.137	-	346.446.128.137
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>342.948.614.250</b>	-	<b>342.948.614.250</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 133.678.585.970 VND (số đầu năm 134.901.213.499 VND) đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội, Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (xem thuyết minh số V.22).

### 14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<b>Mua sắm tài sản cố định</b>	90.498.249.296	12.788.707.508	(11.430.042.437)	(40.291.621)	91.816.622.746
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	827.464.379.377	25.482.257.512	(7.421.158.026)	(6.899.664.438)	838.625.814.425
Dự án khu nuôi trồng thủy sản Bình Phú	600.637.554.836	18.731.676.133	(2.569.365.849)	(100.541.952)	616.699.323.168
Tiền mua đất (*)	582.130.326.997	6.990.089.732	-	-	589.120.416.729
Chi phí xây dựng các hạng mục công trình	18.429.470.829	11.011.373.345	(2.569.365.849)	(100.541.952)	26.770.936.373
Chi phí đào ao	77.757.010	730.213.056	-	-	807.970.066
Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất	209.719.514.185	663.960	(173.937.057)	(117.486.434)	209.428.754.654
Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản	2.515.061.280	434.089.301	(108.814.463)	-	2.840.336.118
Nhà máy đông lạnh	496.818.282	1.817.029.821	-	(318.813.902)	1.995.034.201
Dự án điện năng lượng mặt trời	6.087.866.000	-	-	(6.087.866.000)	-
Các hạng mục khác	8.007.564.794	4.498.798.297	(4.569.040.657)	(274.956.150)	7.662.366.284
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	206.857.280	3.170.934.589	-	(1.282.735.917)	2.095.055.952
<b>Cộng</b>	<b>918.169.485.953</b>	<b>41.441.899.609</b>	<b>(18.851.200.463)</b>	<b>(8.222.691.976)</b>	<b>932.537.493.123</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ do giao dịch bán hàng tồn kho trong Tập đoàn. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	11.738.233.698	15.660.070.362
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(387.792.994)	(3.906.836.664)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>11.350.440.704</b>	<b>11.753.233.698</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 10% - 15% - 20%.

### 16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>14.237.986.437</b>	<b>55.678.097.147</b>
Công ty TNHH Đại Tây Dương	14.237.986.437	15.664.097.147
Ông Doãn Chí Thanh	-	40.000.000.000
Công ty TNHH TMDV Navifeed	-	14.000.000
<b>Phải trả các nhà cung cấp khác</b>	<b>167.860.721.664</b>	<b>117.668.742.542</b>
Các nhà cung cấp nước ngoài	647.604.785	1.870.877.044
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	14.826.112.489	20.295.800.434
Các nhà cung cấp trong nước	152.387.004.390	95.502.065.064
<b>Cộng</b>	<b>182.098.708.101</b>	<b>173.346.839.689</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

### 17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các khách hàng nước ngoài	23.448.931.777	6.359.105.865
Các khách hàng trong nước	6.134.766.260	3.621.451.536
<b>Cộng</b>	<b>29.583.698.037</b>	<b>9.980.557.401</b>

### 18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm Phải nộp	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.008.381.601	22.919.546.386	(17.253.097.628)	7.674.830.359
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	27.599.619	(27.599.619)	-
Thuế nhập khẩu	-	16.241.707	(16.241.707)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.302.023.712	15.890.601.613	(24.003.464.726)	13.189.160.599
Thuế thu nhập cá nhân	4.480.641.090	3.355.270.353	(7.612.174.164)	223.737.279
Thuế tài nguyên	12.396.000	61.075.914	(60.570.890)	12.901.024
Tiền thuế đất	120.516.666	-	(72.310.000)	48.206.666
Thuế môn bài	-	24.000.000	(24.000.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>27.923.959.069</b>	<b>42.294.335.592</b>	<b>(49.069.458.734)</b>	<b>21.148.835.927</b>

#### Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu 0%
- Cá nguyên liệu



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

+ Tập đoàn tự nuôi bán cho tổ chức cá nhân	Không chịu thuế
+ Tập đoàn mua ngoài bán cho tổ chức	Không kê khai, tính thuế
+ Tập đoàn mua ngoài bán cho cá nhân	5%
- Sản phẩm, dịch vụ khác	10%

## **Thuế xuất, nhập khẩu**

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

## **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ hoạt động nuôi trồng, chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 10% (đối với địa bàn khó khăn) và 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Theo Công văn số 1534/BTC-CST ngày 31 tháng 01 năm 2019 của Bộ Tài chính gửi Cục thuế các tỉnh, thành phố, thu nhập từ hoạt động sản xuất điện từ năng lượng mặt trời được áp dụng thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.215.388.227	11.399.443.097
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	2.675.213.386	(813.642.892)
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>15.890.601.613</b>	<b>10.585.800.205</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

## **Thuế tài nguyên**

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 4.300 VND/m<sup>3</sup> x 8%.

## **Các loại thuế khác**

Các công ty trong Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

## **19. Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải trả người lao động.

## **20. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>11.877.641.687</b>	<b>8.219.155.562</b>
Chi phí lãi vay	3.418.364.234	3.265.686.467
Chi phí cước tàu	2.166.369.580	304.517.400
Chi phí hoa hồng môi giới	5.684.349.656	4.190.688.403
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	608.558.217	458.263.292
<b>Cộng</b>	<b>11.877.641.687</b>	<b>8.219.155.562</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 21. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Phải trả các bên liên quan</b>	<b>1.279.947.369</b>	<b>38.802.457.895</b>
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	829.947.369	38.068.157.895
Ông Doãn Chí Thiên – Cổ tức phải trả	-	60.000.000
Ông Doãn Quốc Hội – Cổ tức phải trả	-	20.000.000
Ông Nguyễn Văn Vỹ – Cổ tức phải trả	450.000.000	450.000.000
Bà Đỗ Thị Thanh Thủy – Cổ tức phải trả	-	204.300.000
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>18.263.891.839</b>	<b>24.313.303.754</b>
Lãi vay phải trả	575.199.654	1.637.268.805
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, Kinh phí công đoàn	10.673.478.697	13.232.230.191
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.880.330.000	1.755.330.000
Cổ tức phải trả	2.064.490.398	4.893.050.397
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	3.070.393.090	2.795.424.361
<b>Cộng</b>	<b>19.543.839.208</b>	<b>63.115.761.649</b>

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

### 22. Vay và nợ thuê tài chính

#### 22a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.587.113.982.007</b>	<b>1.783.706.884.397</b>
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.466.148.038.959	1.677.300.344.483
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam <sup>(a)</sup>	457.519.814.273	579.043.346.657
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam <sup>(b)</sup>	289.055.068.448	205.832.831.122
Vay Ngân hàng United Overseas Bank <sup>(c)</sup>	209.095.820.546	197.176.498.440
Vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	-	5.150.000.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Public Việt Nam	-	4.339.150.000
Vay Ngân hàng TNHH MTV Worri Việt Nam <sup>d</sup>	-	63.341.438.797
Vay Ngân hàng TNHH CTBC <sup>(d)</sup>	39.063.461.155	69.155.764.312
Vay Ngân hàng BPCE IOM <sup>(e)</sup>	23.064.747.525	60.056.829.142
Vay Ngân hàng TMCP Quân Đội <sup>(f)</sup>	94.742.576.661	103.499.425.615
Vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam <sup>(g)</sup>	42.605.386.931	98.125.494.743
Vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) <sup>(h)</sup>	32.812.106.097	93.123.207.451
Vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad <sup>(i)</sup>	179.522.013.158	179.718.014.335
Vay Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank <sup>(k)</sup>	98.667.044.165	18.738.343.869
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	3.770.308.210	2.940.308.210
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	10.833.333.329	10.833.333.329
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.22b)	106.362.301.509	92.632.898.375
<b>Cộng</b>	<b>1.587.113.982.007</b>	<b>1.783.706.884.397</b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13)

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13).
- (c) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (d) Khoản vay Ngân hàng TNHH CTBC để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được Ông Doãn Tới – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (e) Khoản vay Ngân hàng BPCE IOM Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 01 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.1).
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.9) và quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.13) và quyền đòi nợ hình thành từ vốn vay.
- (g) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2) và bảo lãnh cá nhân của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- (h) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 04 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2), khoản phải thu (xem thuyết minh số V.3) và quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.13).
- (i) Khoản vay Ngân hàng Malayan Banking Berhad để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Tập đoàn (xem thuyết minh số V.2).
- (k) Khoản vay Ngân hàng Đại Chúng TNHH Kasikornbank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 05 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn của Công ty (xem thuyết minh số V.2).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.677.300.344.483	1.933.474.461.357	-	-	(2.144.626.766.881)	1.466.148.038.959
Vay ngắn hạn các tổ chức	2.940.308.210	2.980.000.000	-	-	(2.550.000.000)	3.770.308.210
Vay dài hạn đến hạn trả	10.833.333.329	-	4.999.999.998	-	(4.999.999.998)	10.833.333.329
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	92.632.898.375	6.552.951.684	54.670.052.792	-	(47.493.601.342)	106.362.301.509
<b>Cộng</b>	<b>1.783.706.884.397</b>	<b>1.943.007.413.041</b>	<b>59.670.052.790</b>	<b>-</b>	<b>(2.199.670.368.221)</b>	<b>1.587.113.982.007</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)****22b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn cá nhân <sup>(i)</sup>	150.000.000	150.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	11.666.666.682	16.666.666.680
Vay Ngân hàng UOB <sup>(ii)</sup>	11.666.666.682	16.666.666.680
Nợ thuê tài chính	107.920.651.215	128.049.766.383
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	17.830.056.760	21.349.545.514
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	28.374.427.731	38.392.803.489
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease để mua máy móc thiết bị</i>	7.557.162.098	13.428.082.388
<i>Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị</i>	41.596.338.625	50.513.616.909
<i>Thuê tài chính Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV – Sumi Trust để mua máy móc thiết bị</i>	12.562.666.001	4.365.718.083
<b>Cộng</b>	<b><u>119.737.317.897</u></b>	<b><u>144.866.433.063</u></b>

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo ông Mai Văn Nam để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 07 năm.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động (bù đắp chi phí đầu tư) với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tất cả các khoản phải thu từ EVN và người mua điện, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.2), tài sản cố định được tài trợ thuộc sở hữu bởi bên vay (xem thuyết minh số V.11).

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	22.500.000.011	10.833.333.329	11.666.666.682	-
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	150.000.000	-
Nợ thuê tài chính	214.282.952.724	106.362.301.509	107.920.651.215	-
<b>Cộng</b>	<b><u>236.932.952.735</u></b>	<b><u>117.195.634.838</u></b>	<b><u>119.737.317.897</u></b>	<b><u>-</u></b>
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn ngân hàng	27.500.000.009	10.833.333.329	16.666.666.680	-
Vay dài hạn các cá nhân	150.000.000	-	150.000.000	-
Nợ thuê tài chính	220.682.664.758	92.632.898.375	128.049.766.383	-
<b>Cộng</b>	<b><u>248.332.664.767</u></b>	<b><u>103.466.231.704</u></b>	<b><u>144.866.433.063</u></b>	<b><u>-</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	16.666.666.680	-	-	4.999.999.998	11.666.666.682
Vay dài hạn cá nhân	150.000.000	-	-	-	150.000.000
Nợ thuê tài chính	128.049.766.383	54.676.435.507	(13.582.546.199)	61.223.004.476	107.920.651.215
<b>Cộng</b>	<b>144.866.433.063</b>	<b>54.676.435.507</b>	<b>(13.582.546.199)</b>	<b>66.223.004.474</b>	<b>119.737.317.897</b>

### 22c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

### 23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	163.631.160	-	-	163.631.160
Quỹ phúc lợi	230.848.145	-	(119.000.000)	111.848.145
<b>Cộng</b>	<b>394.479.305</b>	<b>-</b>	<b>(119.000.000)</b>	<b>275.479.305</b>

### 24. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến xử lý khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty con. Chi tiết phát sinh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	916.206.216	88.382.403
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	475.648.847	404.725.718
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>1.391.855.063</b>	<b>493.108.121</b>

### 25. Vốn chủ sở hữu

#### 25a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

#### 25b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ông Doãn Tới	718.050.000.000	718.050.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.600.000.000	171.600.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	709.990.000	709.990.000
Các cổ đông khác	440.918.760.000	440.918.760.000
<b>Cộng</b>	<b>1.331.278.750.000</b>	<b>1.331.278.750.000</b>

#### 25c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	133.539.625	133.539.625
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	133.539.625	133.539.625
- Cổ phiếu phổ thông	133.539.625	133.539.625
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	411.750	411.750
- Cổ phiếu phổ thông	411.750	411.750

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	133.127.875	133.127.875
- Cổ phiếu phổ thông	133.127.875	133.127.875
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

### 26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

#### 26a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	302.842,57	831.897,93
Euro (EUR)	2.889,53	2.909,02
Dollar Úc (AUD)	6.258,32	963,60
Rub Nga (RUB)	6.445,47	6.445,47

#### 26b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Khách hàng nước ngoài	9.533.084,85	184.358.535.363	9.429.672,13	182.038.120.299
Khách hàng trong nước	-	20.969.842.251		21.714.875.400
<b>Cộng</b>		<b>205.328.377.614</b>		<b>203.752.995.699</b>

Nguyên nhân xóa sổ: Nợ quá hạn thanh toán nhiều năm không thu hồi được.

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.174.887.305.323	1.056.063.845.535
Doanh thu bán điện năng lượng mặt trời	30.430.321.228	29.753.343.030
Doanh thu công trình xây lắp	1.615.929.150	408.048.491
Doanh thu khác	2.270.743.575	4.652.382.281
<b>Cộng</b>	<b>1.209.204.299.276</b>	<b>1.090.877.619.337</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Doanh thu bán điện	6.270.227.269	7.159.951.130
Doanh thu khác	-	61.171.546

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	14.541.284.735	10.542.286.623
Giảm giá hàng bán	1.250.149.956	6.041.198.787
<b>Cộng</b>	<b>15.791.434.691</b>	<b>16.583.485.410</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.042.563.192.467	1.020.011.253.397
Giá vốn điện mặt trời	2.140.369.788	2.517.729.480
Giá vốn khác	588.050.145	430.632.808
Giá vốn công trình xây lắp	101.970.212.100	459.879.175
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	3.874.390.233	2.693.155.397
<b>Cộng</b>	<b><u>1.050.185.704.754</u></b>	<b><u>1.026.112.650.257</u></b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	627.870.427	5.181.841.812
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.822.080	9.498.981
Lãi tiền cho vay	35.622.406	75.990.571
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.058.473.329	2.319.829.309
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.334.524.832	-
Lãi bán hàng trả chậm	609.872.932	39.759.166
Doanh thu hoạt động tài chính khác	73.343.095	98.988.254
<b>Cộng</b>	<b><u>10.747.529.101</u></b>	<b><u>7.725.908.093</u></b>

### 5. Chi phí tài chính

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Chi phí lãi vay	26.566.099.893	42.982.913.781
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	593.206.517	1.945.088.808
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	675.490.761
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	64.238.848	679.565.788
Chi phí tài chính khác	15.827.442	79.094.636
<b>Cộng</b>	<b><u>27.239.372.700</u></b>	<b><u>46.362.153.774</u></b>

### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.756.826.672	1.655.930.821
Chi phí vật liệu, bao bì	43.710.035	58.186.070
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	192.880.172	148.335.074
Chi phí hoa hồng	14.177.291.521	10.220.703.000
Chi phí kiểm hàng	190.870.000	-
Chi phí vận chuyển	36.278.571.511	18.954.856.448
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.902.376.639	10.179.058.118
Các chi phí khác	2.204.857.910	1.304.697.033
<b>Cộng</b>	<b><u>68.747.384.460</u></b>	<b><u>42.521.766.564</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.281.887.480	10.200.345.611
Chi phí vật liệu quản lý	388.399.296	279.821.394
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.693.306	214.582.532
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.181.095.365	1.180.890.558
Thuế, phí và lệ phí	1.110.271.609	1.368.852.446
Dự phòng dự phòng phải thu khó đòi	147.813.839	5.597.291.009
Chi phí dịch vụ mua ngoài	988.521.421	1.212.904.370
Các chi phí khác	3.909.384.884	3.233.669.310
<b>Cộng</b>	<b><u>21.177.067.200</u></b>	<b><u>23.288.357.230</u></b>

### 8. Thu nhập khác

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	1.363.636.364	40.909.091
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	506.512.443	-
Xử lý kiểm kê thừa	-	3.518.840.250
Xử lý công nợ tồn lâu	1.789.170.700	1.411.212.786
Thu bồi thường	242.175.850	2.161.536.057
Thu nhập khác	662.269.822	427.001.823
<b>Cộng</b>	<b><u>4.563.765.179</u></b>	<b><u>7.559.500.007</u></b>

### 9. Chi phí khác

	<u>Quý II năm nay</u>	<u>Quý II năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	11.765.892	-
Phạt do vi phạm hợp đồng	-	5.000.000
Thuế bị truy thu	2.874.836	-
Tiền lãi do chậm nộp thuế	39.992.495	1.026.112.608
Xử lý công nợ tồn lâu	12.362.394.720	-
Hàng hóa bị hỏng	1.323.858.816	-
Dự án điện NMMT không thực hiện	4.777.616.000	-
Chi phí khác	56.023.820	43.924.283
<b>Cộng</b>	<b><u>18.574.526.579</u></b>	<b><u>1.075.036.891</u></b>

### 10. Lãi trên cổ phiếu

#### 10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ	34.405.940.823	41.326.403.798
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(400.000.000)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	34.405.940.823	40.926.403.798
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	133.127.875	133.127.875
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>258</b>	<b>307</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

### 10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Ông Doãn Tới</b>		
Tập đoàn đi vay	-	35.690.000.000
Lãi vay	-	6.685.875.377
<b>Các thành viên quản lý chủ chốt</b>		
Tạm ứng	328.125.000	2.941.100.000

#### Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng United Overseas Bank, Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam và Ngân hàng TNHH CTBC (xem thuyết minh số V.22).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.21.

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Amicogen Nam Việt	Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát
Công ty TNHH Đại Tây Dương	Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi	Công ty do Phó Tổng Giám Đốc thành lập



# CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, Phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**

## Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên doanh đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty TNHH Đại Tây Dương</b>		
Thuê kho, tiền điện	37.155.454.502	27.247.434.514
Phí sử dụng hạ tầng, phí xử lý nước thải	561.723.802	380.610.240
Mua vật tư	-	31.836.580
Chi phí khác	300.000.000	-
Mua tài sản	267.370.000	-
<b>Công ty TNHH Trang trại Hữu cơ 7 núi</b>		
Mua sản phẩm, vật tư	19.290.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

## Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3 và V.16.

## 2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý II năm nay	Quý II năm trước
Xuất khẩu	683.225.542.159	675.755.063.509
Trong nước	510.187.322.426	398.539.070.418
<b>Cộng</b>	<b>1.193.412.864.585</b>	<b>1.074.294.133.927</b>

### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến thủy sản với tỷ trọng doanh thu chiếm hơn 97,2%.

Nguyễn Hà Thu Diễm  
Người lập biểu / Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh  
Phó Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT**

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ II NĂM 2024

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1,275,396,250,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	1,612,905,156,247	2,882,202,985,499
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	41,326,403,798	41,326,403,798
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	60,000,000,000	-	-	-	60,000,000,000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	(400,000,000)	(400,000,000)
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-
Điều chuyển vốn về lợi nhuận	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này năm trước</b>	<b>1,335,396,250,000</b>	<b>21,489,209,100</b>	<b>(27,587,629,848)</b>	<b>1,653,831,560,045</b>	<b>2,983,129,389,297</b>
Số dư đầu năm nay	1,335,396,250,000	21,489,209,100	(27,587,629,848)	1,518,568,926,357	2,847,866,755,609
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	34,405,940,823	34,405,940,823
Phát hành cổ phiếu trong kỳ	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ này năm nay</b>	<b>1,335,396,250,000</b>	<b>21,489,209,100</b>	<b>(27,587,629,848)</b>	<b>1,552,974,867,180</b>	<b>2,882,272,696,432</b>

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2024

Nguyễn Hà Thu Diễm

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Trần Minh Cảnh

Phó Tổng Giám đốc

Số: 683/ CV-KTTC

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý II/2024 so với cùng kỳ năm trước"

An Giang, ngày 19 tháng 07 năm 2024

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế hợp nhất như sau:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất quý II/2024 đạt 17,5 tỷ đồng, tăng 68,5 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân cụ thể như sau:

- Doanh thu thuần hợp nhất quý II/2024 đạt 1.193 tỷ đồng, tăng 11% so với cùng kỳ năm trước do sản lượng tăng, dẫn đến lợi nhuận gộp tăng 95 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.
- Chi phí tài chính giảm 41%, chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 9% so với cùng kỳ năm trước. Tuy nhiên, chi phí bán hàng tăng 62% so với cùng kỳ năm trước

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT



*Trần Minh Cảnh*